

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Anh Thi.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 391/2025/LĐ-ST ngày 07/11/2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 239/2025/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1997; nơi thường trú: Số C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH S, địa chỉ: Khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở T1, địa chỉ: Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- ***Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Phan Thị Thu T trình bày:*** Vào năm 2011 đến năm 2012 bà T làm việc tại Công ty TNHH M1. Quá trình làm việc bà T có đóng bảo hiểm xã hội số: 7911480201. Nay bà Phan Thị Thu T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà T bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Bà Nguyễn Thị Bé H sử dụng thông tin của bà T giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 và có đóng BHXH số: 7411134029. Cùng

thời gian đó, bà T đang làm việc tại Công ty TNHH M1. Do đó, bà T bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 tương đương với thời gian bà Huỳnh M giấy tờ của bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phan Thị Thu T (do Nguyễn Thị Bé H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian làm từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 là vô hiệu toàn bộ. Bà Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- *Theo bản trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé H:* Bà Nguyễn Thị Bé H sử dụng thông tin của bà T giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 và có đóng BHXH số: 7411134029. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phan Thị Thu T (do Nguyễn Thị Bé H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH G trong khoảng thời gian làm từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 là vô hiệu toàn bộ thì bà H đồng ý. Bà Nguyễn Thị Bé H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- *Theo bản trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày:* Công ty TNHH S và bà Phan Thị Thu T có ký hợp đồng lao động, ở Bộ phận M. Thời gian bà Phan Thị Thu T làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo xã hội cho bà T đầy đủ từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012. Khi bà Phan Thị Thu T đến Công ty làm việc thì bà T có cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc gồm sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe; giấy CMND; đơn xin việc làm. Hồ sơ thể hiện tên người xin việc là Phan Thị Thu T. Do đó, toàn bộ hồ sơ tại công ty liên quan người lao động làm việc cho Công ty TNHH S đều thể hiện tên bà Phan Thị Thu T. Vì vậy, hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên bà Phan Thị Thu T. Bà Nguyễn Thị Bé H có hành vi lừa dối mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi trái pháp luật và công ty không thể biết việc làm trái pháp luật của Bà H đến khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và đơn khởi kiện cho Công ty TNHH S thì Công ty mới biết. Tại thời điểm đó, tuyển dụng nhiều công nhân lao động phục vụ nhu cầu sản xuất nên công ty không thể biết được người lao động tại công ty là bà Nguyễn Thị Bé H không phải bà Phan Thị Thu T cho nên thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do không có thời gian tham gia phiên tòa và vụ án cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty nên Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Công ty trong quá trình Tòa giải quyết vụ án

- *Theo bản trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội trình bày:* Căn cứ quy định của pháp luật về BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đề nghị quý tòa tuyên buộc theo quy định trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc đóng – hưởng của người lao động và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia BHXH.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Phan Thị Thu T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ 04/2011 đến tháng 03/2012, người lao động Phan Thị Thu T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và được Công ty TNHH S, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội: 7411134029. Tuy nhiên, bà Phan Thị Thu T xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại Công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 không phải là bà Phan Thị Thu T mà là bà Nguyễn Thị Bé Huỳnh .

[3] Xét thấy, lời khai của bà Phan Thị Thu T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Theo đó, trong khoảng thời gian từ 04/2011 đến tháng 03/2012, bà Phan Thị Thu T đang giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH M1 và được Công ty TNHH M1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp số số 7911480201. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 không phải là bà Phan Thị Thu T. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thu T về việc: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phan Thị Thu T (do Nguyễn Thị Bé H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian làm từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 là vô hiệu toàn bộ.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bà Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Phan Thị Thu T.

- Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Phan Thị Thu T (do Nguyễn Thị Bé H là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoảng thời gian làm từ tháng 04/2011 đến tháng 03/2012 là vô hiệu toàn bộ.

- Về hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu: Bà Phan Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Phan Thị Thu T được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0033959 ngày 03/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Anh Thi